

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN CHÂU  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 20/5/2020  
“V/v tranh chấp hôn nhân và  
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Cư;
2. Bà Võ Thị Kim Linh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Dương, Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 443/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXXST-HN ngày 01 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nhan Thị Như H, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Tổ 13, ấp LT B, xã LK A, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp;

2. *Bị đơn:* Anh Trần Hữu H, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Số nhà 676, tổ 01, khóm LH 2, phường LS, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Chị H có mặt tại phiên tòa; Anh H vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nhan Thị Như H trình bày:* Khoảng cuối năm 2016, chị H và anh H tự tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình chấp nhận tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường LS, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, số đăng ký kết hôn 22, ngày 15/3/2017. Sau khi kết hôn, chị H và anh H sống chung với gia đình anh H tại khóm LH 2, phường LS, thị xã Tân Châu. Thời gian đầu, chị H và anh H chung sống hạnh phúc, đến năm 2018, chị

H và anh H phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh H không quan tâm, chăm sóc gia đình, thường xuyên cãi vã nhau và đánh nhau. Ngoài ra, mẹ chồng không thương chị H; anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác (không có chứng cứ chứng minh nên không cung cấp cho Tòa án được), chị H và anh H sống xa nhau từ tháng 9/2019 cho đến nay. Thời gian sống xa nhau, anh H có đến nhà chị H để nói chuyện về việc phát sinh mâu thuẫn của anh H và chị H nhưng không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình. Chị H kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Trần Hữu H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Hữu H trình bày:* Thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến chung sống vợ chồng như chị H trình bày. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng anh H thống nhất với lời trình bày của chị Như H. Riêng việc chị H cho rằng anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ bên ngoài thì anh H không đồng ý vì anh H không có quan hệ với người phụ nữ nào khác. Anh H thừa nhận nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa anh H với chị H và giữa chị H với mẹ anh H là do lỗi của anh H không biết cách quan tâm chăm sóc vợ và cân bằng mối quan hệ tình cảm giữa chị H và mẹ anh H. Thời gian sống xa nhau, anh H nhiều lần tìm đến chị H hàn gắn tình cảm gia đình, nhưng chị H vẫn không đồng ý. Trong thời gian sống xa nhau, anh H đã suy nghĩ về lỗi lầm của mình gây ra là do thiếu trách nhiệm với gia đình, mong muốn chị H cho cơ hội để hàn gắn tình cảm gia đình và yêu thương chăm sóc chị H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải về tình cảm giữa các đương sự nhưng không thành. Ngày 17 tháng 3 năm 2020, Tòa án ban hành Thông báo số 160/TB-TA về việc công khai tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập cho anh Trần Hữu H được biết thông qua việc tổng đạt cho người thân nhận thay (bà Hồ Thị S mẹ ruột anh H) nhưng anh H không gửi văn bản ghi ý kiến của anh H cho Tòa án.

Tại phiên tòa, chị H kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh H.

Hội đồng xét xử, công bố biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của chị Như H và anh Hữu H tại Ban khóm LH 2, phường LS, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Xác minh tình trạng hôn nhân, ly hôn của chị Như H và anh Hữu H tại Hội liên hiệp phụ nữ phường LS, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Cụ thể:

- Ban khóm LH 2, phường LS cho biết: Anh Trần Hữu H, sinh năm 1990, cư trú số nhà 676, tổ 1, khóm LH 2, phường LS, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang có vợ là Nhan Thị Như H, sinh năm 1999, cư trú tại xã LK A, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Anh H và chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường LS, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống tại địa phương, anh H và chị H chấp hành tốt pháp luật tại địa phương. Về mâu thuẫn gia đình của anh

H và chị H thì Ban khóm không biết vì anh H và chị H không trình báo Ban khóm. Hiện nay, chị H đã về gia đình cha mẹ ruột sinh sống tại xã LK A, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Anh H cũng đi làm ăn, thường xuyên về thăm gia đình (mẹ ruột). Hiện nay, anh H sống cùng mẹ ruột tại tổ 1, khóm LH 2, phường LS, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Vợ chồng anh H và chị H không có con chung.

- Hội liên hiệp phụ nữ phường LS cung cấp: Anh Trần Hữu H cư trú khóm LH 2, phường LS, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang có vợ là chị Nhan Thị Như H, cư trú tại xã LK A, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn, anh H và chị H sinh sống với mẹ ruột anh H tại khóm LH 2, phường LS, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Mâu thuẫn gia đình giữa anh H và chị H thì Hội phụ nữ phường LS không biết. Vợ chồng anh H và chị H không có xảy ra bạo lực tại địa phương. Thời gian chung sống, vợ chồng anh H và chị H không có con chung. Hiện nay, chị H đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa: Năm 2016, chị H và anh H tự tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2017 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Năm 2018, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về kinh tế và tình cảm, anh H không quan tâm, chăm sóc gia đình, thường xuyên cãi vã nhau và đánh nhau. Ngoài ra, mẹ chồng không thương chị H và anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác (chị H không có chứng cứ chứng minh nên không cung cấp cho Tòa án được). Tình cảm của chị H và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Chị H yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nhan Thị Như H được ly hôn anh Trần Hữu H.

Về án phí: Chị Nhan Thị Như H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *\*Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Nhan Thị Như H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Hữu H. Anh H có nơi cư trú: Số nhà 676, tổ 01, khóm LH 2, phường LS, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Trần Hữu H được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### *\* Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Khoảng cuối năm 2016, chị H và anh H tự tìm hiểu yêu thương nhau và đi đến hôn nhân. Năm 2017, tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường LS, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, số đăng ký kết hôn 22, ngày 15/3/2017, không vi phạm điều kiện cấm kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận là hôn nhân.

Chị H khai, sau khi kết hôn chị H và anh H chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về kinh tế, tình cảm, anh H không quan tâm, chăm sóc gia đình, thường xuyên cãi vã nhau và đánh nhau. Ngoài ra, mẹ chồng không thương chị H. Thời gian sống xa nhau, anh H có đến nhà chị H để nói chuyện về việc phát sinh mâu thuẫn của anh H và chị H nhưng không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình. Cuộc sống chung giữa chị H và anh H không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Trần Hữu H.

Anh H khai, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa anh H với chị H và giữa chị H với mẹ anh H là do lỗi của anh H không biết cách quan tâm chăm sóc vợ và cân bằng mối quan hệ tình cảm giữa chị H và mẹ anh H. Thời gian sống xa nhau, anh H nhiều lần tìm đến chị H hàn gắn tình cảm gia đình, nhưng chị H vẫn không đồng ý. Trong thời gian sống xa nhau, anh H đã suy nghĩ về lỗi làm của mình gây ra là do thiếu trách nhiệm với gia đình, mong muốn chị H cho cơ hội để hàn gắn tình cảm gia đình và yêu thương chăm sóc chị H.

Biên bản xác minh Ban khóm LH 2, phường LS cho biết: Về mâu thuẫn gia đình của anh H và chị H thì Ban khóm không biết vì anh H và chị H không trình báo Ban khóm.

Biên bản xác minh Hội liên hiệp phụ nữ phường LS cung cấp: Mâu thuẫn gia đình giữa anh H và chị H thì Hội phụ nữ phường LS không biết. Vợ chồng anh H và chị H không có xảy ra bạo lực tại địa phương. Hiện nay, chị H đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của chị H và anh H phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 và sống xa nhau từ tháng 9/2019 cho đến nay. Thời gian sống xa nhau, anh H có đến nhà chị H để nói chuyện về việc phát sinh mâu thuẫn của anh H và chị H nhưng không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình. Tòa án tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho chị H và anh H hàn gắn tình cảm gia đình, nhưng anh H vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa. Từ đó, cho thấy anh H chưa thật sự hàn gắn tình cảm với chị H.

Tình trạng vợ chồng chị H và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận hạnh phúc và bền vững mà còn kéo dài sự đau khổ cho chị H. Xét, cho chị H ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị H đã nộp đủ. Anh H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nhan Thị Như H.

Chị Nhan Thị Như H được ly hôn với anh Trần Hữu H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 22, ngày 15/3/2017 do Ủy ban nhân dân phường LS, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho chị Nhan Thị Như H và anh Trần Hữu H không còn giá trị pháp lý.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Nhan Thị Như H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2017/0002413 ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Hữu H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị Nhan Thị Như H là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Trần Hữu H là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Bạch Tuyết**